CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM

RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May thêu Giày dép Wec Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch
Ông Huỳnh Bá Lộc	Thành viên
Ông Diệp Thành Kiệt	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Thành viên
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Thành viên
Bà Phan Thị Phượng	Thành viên
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/03/2017)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Ngô Thị Lệ	Trưởng ban
Ông Trần Văn	Thành viên
Bà Vũ Thị Kim Nhung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/03/2017)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Tuyết Phương	Tổng Giám đốc
Bà Lâm Hoàng Vũ Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0301919887 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

RSM

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 18.337/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP WEC SÀI GÒN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May thêu Giày dép Wec Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2018 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

RSM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May thêu Giày dép Wec Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0172-2018-026-1

Nguyễn Thị Hải Yến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2843-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**16.642.991.882**	**32.235.919.238**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**4.855.916.025**	**3.596.865.900**
1. Tiền	111		635.916.025	96.865.900
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.220.000.000	3.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**9.120.000.000**	**26.120.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	9.120.000.000	26.120.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.425.035.830**	**2.425.035.830**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	440.000.000	440.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.000.000	60.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.925.035.830	1.925.035.830
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**242.040.027**	**94.017.508**
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	242.040.027	94.017.508
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**26.745.404.158**	**26.544.850.310**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.200.000**	**10.200.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		10.200.000	10.200.000
II. Tài sản cố định	**220**		**2.458.340.611**	**1.738.361.796**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	2.458.340.611	1.738.361.796
Nguyên giá	222		9.540.176.876	5.157.155.243
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.081.836.265)	(3.418.793.447)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	4.6	**-**	**-**
1. Nguyên giá	231		4.945.525.000	7.991.414.508
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(4.945.525.000)	(7.991.414.508)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4.2	**23.439.800.000**	**24.053.124.800**
1. Đầu tư vào công ty con	251		15.360.000.000	15.360.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.079.800.000	8.971.160.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(278.035.200)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**837.063.547**	**743.163.714**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	831.821.642	737.921.809
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.241.905	5.241.905
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**43.388.396.040**	**58.780.769.548**

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**3.939.382.055**	**8.860.047.421**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.315.382.055**	**8.260.047.421**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	12.272.727
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.600.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	1.291.376.884	3.859.811.730
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.9	346.507.857	582.349.524
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	720.605.446	1.006.603.993
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	2.287.193.982
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		952.291.868	511.815.465
II. Nợ dài hạn	**330**		**624.000.000**	**600.000.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.10	624.000.000	600.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**39.449.013.985**	**49.920.722.127**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.11.1	**39.449.013.985**	**49.920.722.127**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.11.2	24.000.000.000	24.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.942.733.644	3.942.733.644
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.506.280.341	21.977.988.483
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		8.000.000.000	4.473.561.245
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.506.280.341	17.504.427.238
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**43.388.396.040**	**58.780.769.548**

Phê Duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THÊU GIÀY DÉP W.E.C SÀI GÒN

Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	9.211.224.320	47.507.322.809
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.211.224.320	47.507.322.809
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	4.991.998.470	24.481.280.934
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.219.225.850	23.026.041.875
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.163.014.796	11.047.562.727
6. Chi phí tài chính	22		(272.255.505)	13.939.315
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	3.001.112.863	4.249.621.524
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.653.383.288	29.810.043.763
9. Thu nhập khác	31	5.5	718.273.197	26.181.818
10. Chi phí khác	32		-	13.694.343
11. Lợi nhuận khác	40		718.273.197	12.487.475
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.371.656.485	29.822.531.238
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	865.376.144	3.871.744.000
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	46.360.000
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.506.280.341	25.904.427.238

Phê Duyệt	Người lập
Nguyễn Thị Tuyết Phương	**Nguyễn Thị Kim Chi**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		4.371.656.485	29.822.531.238
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	772.798.258	724.060.656
Các khoản dự phòng	03		(278.035.200)	13.939.315
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.163.014.796)	(26.566.282.727)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**2.703.404.747**	**3.994.248.482**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(148.022.519)	(10.000.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.981.943.567)	(30.007.330.978)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		590.645.622	18.999.704.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(51.744.000)	(3.820.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		600.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.538.112.080)	(1.956.025.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(2.425.171.797)**	**(12.799.402.639)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.082.958.892)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.950.400.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(14.000.000.000)	(30.120.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.000.000.000	30.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		891.360.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.163.014.796	9.127.562.727
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**17.971.415.904**	**10.957.962.727**

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	-	2.287.193.982
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(2.287.193.982)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(12.000.000.000)	(24.648.886.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(14.287.193.982)**	**(22.361.692.918)**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**1.259.050.125**	**(24.203.132.830)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.596.865.900	27.799.998.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**70**	4.1	**4.855.916.025**	**3.596.865.900**

Phê Duyệt

Nguyễn Thị Tuyết Phương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May thêu Giày dép Wec Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000005 ngày 28 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 02 năm 2013.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hủy đăng ký công ty đại chúng của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 là 24 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	Việt Nam	2.468.980.000	10,29	2.468.980.000	10,29
Vốn góp của các đối tượng khác	Việt Nam	21.531.020.000	89,71	21.531.020.000	89,71
Cộng		**24.000.000.000**	**100,00**	**24.000.000.000**	**100,00**

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lầu 4, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 33 (31/12/2016: 33).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh bất động sản, giáo dục mầm non.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị thuộc các ngành hàng may mặc, thêu, móc, đan, giày dép, dệt vải, len, da, giả da, nhựa, mousse, cao su; hàng thủ công mỹ nghệ khác (trừ sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê mặt bằng nhà, kho, xưởng;
- Đào tạo dạy nghề;
- Kinh doanh nhà;
- Dịch vụ nhà đất, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:				
Công ty Cổ phần May Đại Việt	Số 62 Tân Thành, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	96%	96%	96%
Công ty con gián tiếp:				
Công ty TNHH May Tây Nguyên	Km 09 - Quốc lộ 14, Xã Ea Tu, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	70%	70%	67,20%
Công ty TNHH May Đại Việt – Đắk Lắk	Km 09 - Quốc lộ 14, Xã Ea Tu, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	70%	70%	67,20%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 là Chi nhánh Công ty Cổ phần May thêu Giày dép Wec Sài Gòn đặt tại 89 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2017
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 6 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

3.6. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhóm nhà cửa, vật kiến trúc là từ 5 đến 10 năm.

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất trả trước. Khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.

- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Kinh doanh trường mầm non: 0%;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác: 10%;

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	81.184.390	13.759.318
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	554.731.635	83.106.582
Các khoản tương đương tiền	4.220.000.000	3.500.000.000
Cộng	**4.855.916.025**	**3.596.865.900**

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi với kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với lãi suất từ 5,4%/năm đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,8%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần May Đại Việt	15.360.000.000	-	-	15.360.000.000	-	-
Cộng	**15.360.000.000**		**-**	**15.360.000.000**		**-**
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	8.079.800.000	-	-	8.079.800.000	-	-
Ngân Hàng TMCP Á Châu	-	-	-	891.360.000	613.325.000	(278.035.000)
Cộng	**8.079.800.000**		**-**	**8.971.160.000**		**613.325.000**

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu tiền cho thuê mặt bằng các bên liên quan – Xem thêm mục 7.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 7	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-
Phải thu người lao động	5.035.830	-	5.035.830	-
Cộng	**1.925.035.830**	**-**	**1.925.035.830**	**-**

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	3.926.724.574	147.671.700	978.600.000	104.158.969	5.157.155.243
Mua trong năm	153.386.000	-	-	-	153.386.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.339.391.073	-	-	-	1.339.391.073
Chuyển từ bất động sản đầu tư	2.941.910.800	-	-	-	2.941.910.800
Xóa sổ tài sản	-	-	-	(51.666.240)	(51.666.240)
Tại ngày 31/12/2017	**8.361.412.447**	**147.671.700**	**978.600.000**	**52.492.729**	**9.540.176.876**
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	2.384.082.770	147.671.700	782.880.008	104.158.969	3.418.793.447
Khấu hao trong năm	655.366.258	-	117.432.000	-	772.798.258
Chuyển từ bất động sản đầu tư	2.941.910.800	-	-	-	2.941.910.800
Xóa sổ tài sản	-	-	-	(51.666.240)	(51.666.240)
Tại ngày 31/12/2017	**5.981.359.828**	**147.671.700**	**900.312.008**	**52.492.729**	**7.081.836.265**
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	1.542.641.804	-	195.719.992	-	1.738.361.796
Tại ngày 31/12/2017	**2.380.052.619**	**-**	**78.287.992**	**-**	**2.458.340.611**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.142.075.228 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:	7.991.414.508	-	(3.045.889.508)	4.945.525.000
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.991.414.508)	-	(3.045.889.508)	(4.945.525.000)
Giá trị còn lại	-			-

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 4.945.525.000 VND.

Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ giảm là do Công ty không còn cho thuê các bất động sản nên đã chuyển sang tài sản cố định hữu hình.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa tài sản cố định.

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.824.757.997	438.567.640	4.318.189.064	54.863.427	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.017.508	-	865.376.144	51.744.000	-	719.614.636
Thuế thu nhập cá nhân	-	35.053.733	781.623.261	244.914.746	-	571.762.248
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	181.126.960	368.303.560	187.176.600	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	**94.017.508**	**3.859.811.730**	**2.269.694.005**	**4.986.151.370**	**242.040.027**	**1.291.376.884**

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	90.000.000	289.000.000
Trích trước tiền lương tháng 13	230.298.333	267.140.000
Trích trước tiền dự phòng trợ cấp thôi việc	26.209.524	26.209.524
Cộng	**346.507.857**	**582.349.524**

4.10. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm y tế	4.370.009	4.788.509
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	277.699.350
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000.000	679.573.334
Các khoản phải trả, phải nộp khác	216.235.437	44.542.800
Cộng	**720.605.446**	**1.006.603.993**
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	624.000.000	600.000.000

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vốn chủ sở hữu

4.11.1.Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	24.000.000.000	3.942.733.644	22.067.840.465	50.010.574.109
Lãi trong năm trước	-	-	25.904.427.238	25.904.427.238
Chia cổ tức	-	-	(22.800.000.000)	(22.800.000.000)
Trích quỹ	-	-	(2.467.840.465)	(2.467.840.465)
Giảm khác	-	-	(726.438.755)	(726.438.755)
Tại ngày 01/01/2017	24.000.000.000	3.942.733.644	21.977.988.483	49.920.722.127
Lãi trong năm nay	-	-	3.506.280.341	3.506.280.341
Chia cổ tức	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Trích quỹ	-	-	(1.868.988.483)	(1.868.988.483)
Giảm khác	-	-	(109.000.000)	(109.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	**24.000.000.000**	**3.942.733.644**	**11.506.280.341**	**39.449.013.985**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11.2.Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của nhà nước	2.468.980.000	2.468.980.000
Vốn góp của các đối tượng khác	21.531.020.000	21.531.020.000
Cộng	**24.000.000.000**	**24.000.000.000**

4.11.3.Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.400.000	2.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.11.4.Cổ tức

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	12.000.000.000	22.800.000.000

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.755.000.000	3.700.598.809
Doanh thu từ giáo dục mầm non	4.856.224.320	3.702.724.000
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	-	38.504.000.000
Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	1.600.000.000	1.600.000.000
Cộng	**9.211.224.320**	**47.507.322.809**

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn cho thuê mặt bằng	673.523.850	1.834.297.422
Giá vốn từ giáo dục mầm non	4.318.474.620	3.501.703.512
Giá vốn từ bất động sản đầu tư	-	19.145.280.000
Cộng	**4.991.998.470**	**24.481.280.934**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.640.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.827.746.069	2.407.562.727
Lãi bán chứng khoán	335.268.727	-
Cộng	**2.163.014.796**	**11.047.562.727**

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	2.012.644.618	2.095.488.721
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	10.419.355	17.998.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.432.000	163.100.004
Thuế, phí, lệ phí	24.373.264	10.853.182
Chí phí dịch vụ mua ngoài	394.917.675	866.675.233
Chi phí bằng tiền khác	441.325.951	1.095.505.531
Cộng	**3.001.112.863**	**4.249.621.524**

5.5. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thuê đất được hoàn	702.762.133	-
Thu nhập khác	15.511.064	26.181.818
Cộng	**718.273.197**	**26.181.818**

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.419.355	17.998.853
Chi phí nhân công	3.991.752.118	3.741.318.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	772.798.258	724.060.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.201.779.592	1.103.261.901
Chi phí khác bằng tiền	2.016.362.010	23.144.262.558
Cộng	**7.993.111.333**	**28.730.902.458**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.371.656.485	29.822.531.238
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	117.000.000	674.894.343
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(8.930.000.000)
Trừ: Thu nhập chuyển nhượng bất động sản	-	(19.358.720.000)
Trừ: Chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(161.775.763)	(2.208.705.581)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.326.880.722	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	865.376.144	-
Chi phí thuế TNDN từ thu nhập chuyển nhượng bất động sản	-	3.871.744.000
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**865.376.144**	**3.871.744.000**

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	2.287.193.982

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(2.287.193.982)	-

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần May Đại Việt	Công ty con trực tiếp
2. Công ty TNHH May Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp
3. Công ty TNHH May Đại Việt – Đắk Lắk	Công ty con gián tiếp
4. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty Cổ phần May Đại Việt	440.000.000	440.000.000

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác – Xem thêm mục 4.4:		
Công ty Cổ phần May Đại Việt	1.920.000.000	1.920.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1:		
Công ty Cổ phần May Đại Việt	1.600.000.000	1.600.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao và thu nhập	869.156.695	1.206.000.000

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	252.000.000	118.500.000

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 đến 4 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	4.355.000.000	5.300.598.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	2.380.600.000	2.718.781.818
Trên 1 năm đến 5 năm	68.000.000	3.244.500.000
Cộng	**2.448.600.000**	**5.963.281.818**

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt	**Người lập**
Nguyễn Thị Tuyết Phương	**Nguyễn Thị Kim Chi**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2018

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

RSM